

Số: 59/2021/QĐST-DS

*Bắc Ninh, ngày 29 tháng 12 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 374/2021/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Căn hộ số 708, tầng 7, chung cư H, đường L, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

**Bị đơn:** Anh Vũ Mạnh T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Số 02, ngõ 399, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Công Ty cổ phần đầu tư và Phát triển bất động sản H; Địa chỉ: Tầng 12, Tòa nhà H, Lô ACC7 khu dịch vụ tổng hợp L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Cao S - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công Ty cổ phần đầu tư và Phát triển bất động sản H. Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Tuấn L - Phó giám đốc Công Ty cổ phần đầu tư và Phát triển bất động sản H.

- Ngân hàng thương mại cổ phần Đ; Địa chỉ: Số 22, đường N, phường T, quận H, thành phố Hà nội. Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đình L - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Vũ Thị B - Trưởng phòng khách hàng cá nhân - Ngân hàng thương mại cổ phần Đ Chi nhánh Bắc Ninh.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Xóm 1, thôn Y, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về tài sản chung của anh T, chị V xác nhận gồm có:

+ 01 Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 99A-172.49 mang nhãn hiệu Huyndai grand I10 mua năm 2016 trị giá 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

+ Căn hộ số 708, tầng 7, Chung cư H, đường L, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh trị giá 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng); Đồ dùng sinh hoạt.

- Về công nợ chung: Khoản nợ bà Nguyễn Thị T số tiền: 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng).

- Khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Bắc Ninh theo hợp đồng cho vay số: 4908/2019/HĐTD/PVB –KHCN-CNBN ngày 28/8/2019.

- Về việc phân chia tài sản chung và công nợ chung:

+ Anh Vũ Mạnh T được sở hữu chiếc xe ô tô biển kiểm soát 99A-172.49 mang nhãn hiệu Huyndai grand I10 trị giá 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Chị Nguyễn Thị V sở hữu căn hộ số 708, tầng 7, Chung cư H, đường L, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh trị giá 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

+ Chị Nguyễn Thị V có trách nhiệm trả số tiền còn lại là 26.558.800 đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm năm mươi tám nghìn tám trăm đồng) cho Công Ty cổ phần đầu tư và Phát triển bất động sản H. Công ty cổ phần đầu tư và Phát triển bất động sản H có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ và giao giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ cho chị V.

+ Chị Nguyễn Thị V có trách nhiệm trả bà Nguyễn Thị T số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Bắc Ninh theo hợp đồng cho vay số 4908/2019/HĐTD/PVB –KHCN-CNBN ngày 28/8/2019; Hợp đồng thế chấp 4908/2019/HĐBĐ/PVB –KHCN-CNBN ngày 28/8/2019 và các văn bản thỏa thuận khác (nếu có). Nếu chị Nguyễn Thị V vi phạm hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và các văn bản thỏa thuận khác (nếu có) thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền thực hiện các biện pháp thu hồi nợ theo đúng quy định của PvcomBank và pháp luật.

+ Đồ dùng sinh hoạt không yêu cầu giải quyết.

+ Khoản nợ Ngân hàng TMCP BIDV - chi nhánh Bắc Ninh các đương sự chưa yêu cầu giải quyết.

Kể từ ngày quyết định phát sinh hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị V tự nguyện chịu 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị V đã nộp số tiền 9.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2019/0001083 ngày 19/8/2021 Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh. Chị Nguyễn Thị V còn phải nộp 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng).

Hoàn trả bà Nguyễn Thị T số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001011 ngày 10/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Bắc Ninh;
- Chi cục THADS TP. Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Thị Ngọc Anh**